

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HC-PT

Ngày: 06/3/2024

Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 901/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1551/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà C, tổ F, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

*** Người bị kiện:** UBND thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc và Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Trọng L – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà C, ông Đ, chị X, chị V, anh H1 và chị T:
Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà C, tổ F, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện ông Nguyễn Tiến H trình bày như sau:

Người khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã P (nay là thành phố P) về việc thu hồi đất của các hộ gia đình có diện tích đất bị thu hồi để xây dựng công trình: khu nhà ở TMS Land H - phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H, thành phố P; hủy Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là GPMB) của các hộ gia đình có diện tích đất bị thu hồi để xây dựng công trình: khu nhà ở TMS Land H - phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H, thành phố P; hủy Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H.

Những căn cứ người khởi kiện đề nghị hủy các quyết định của UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P là: UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành các quyết định hành chính không đúng theo

quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện với các lý do:

Thứ nhất: Việc cưỡng chế thu hồi đất là sai trái do doanh nghiệp và người có đất bị thu hồi chưa thống nhất thỏa thuận mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 69/2009/NĐ-CP quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường tái định cư, vi phạm Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Nếu hai bên không thể thỏa thuận được về giá bồi thường thì bên dự án không có quyền thực hiện dự án trên đất của gia đình người khởi kiện. Do đó khi Công ty cổ phần T1 và các hộ gia đình có đất bị thu hồi chưa thống nhất thì không thể thu hồi.

Thứ hai: Để triển khai và thực hiện dự án thu hồi đất xây dựng công trình khu nhà ở TMS Land H - phường H, thị xã P thì phải có phê chuẩn của Thủ tướng Chính phủ; phải có thẩm định của Bộ T2 theo khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P đã vi phạm khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

Thứ ba: Việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông H sai về trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất do không ban hành quyết định thu hồi đất của từng hộ gia đình; Quyết định cưỡng chế chỉ được ban hành sau khi đã có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật. Trường hợp gia đình ông H thì UBND thành phố P lại không ban hành Quyết định thu hồi đất cho từng hộ mà chỉ căn cứ vào quyết định thu hồi đất chung là không đúng. Việc sai về trình tự, thủ tục này đã xâm phạm quyền lợi của gia đình người khởi kiện.

Do vậy, ông Nguyễn Tiến H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy các quyết định nêu trên.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND thành phố P:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Cụ thể đó là:

Dự án Khu nhà ở TMS L H, phường H đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 về việc chấp thuận chủ đầu tư dự án khu nhà ở TMS Land H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc phê duyệt địa điểm lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở TMS Land H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 15/9/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở TMS Land H,

phường H, thị xã P.

Ngày 21/7/2010, UBND thị xã P phê duyệt phương án tổng thể dự án Xây dựng khu nhà ở TMS Land H số 1405/QĐ-CTUBND. Sau khi UBND thị xã P ban hành thông báo thu hồi đất thì GPMB phối hợp cùng UBND phường H thực hiện quy chủ, kiểm kê đối với các hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới thu hồi dự án. Trong đó hộ ông Nguyễn Tiến H được kiểm kê 06 thửa đất, diện tích 1.831,0m². Biên bản kiểm kê được xác nhận bởi các thành phần: Bà Nguyễn Thị X (vợ ông H) cùng cán bộ Ban GPMB, tổ trưởng tổ dân phố, cán bộ thuế, cán bộ địa chính và UBND phường H. Ngày 30/9/2010, UBND thị xã tổ chức họp để công khai diện tích thu hồi và lấy ý kiến các hộ dân; thành phần gồm: UBND thị xã P, Ban GPMB, UBND phường H, chủ đầu tư dự án, các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi vào dự án.

Phương án bồi thường hỗ trợ (sau đây viết tắt là BTHT) được công khai trực tiếp đến hộ dân, niêm yết tại nhà văn hóa nơi các hộ dân có đất thu hồi và UBND phường H. Khi hết thời gian thì UBND phường H tổng hợp ý kiến đóng góp của các hộ dân về đơn giá BTHT, chế độ chính sách khi thực hiện dự án,... Nội dung biên bản tổng hợp thể hiện các hộ dân đều đồng ý chủ trương thực hiện dự án, một số hộ có ý kiến về đơn giá BTHT thấp và các ý kiến khác. Ban GPMB lập phương án BTHT trình Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định đối với 189 hộ, diện tích 16,81ha. Đơn giá BTHT, các chế độ chính sách được thực hiện theo Quyết định 69/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 và Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh V.

Phòng T3 thẩm định, đề nghị UBND thị xã P ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án BTHT dự án Khu nhà ở TMS Land H. Trên cơ sở đề nghị của Phòng T3, UBND thị xã P (nay là thành phố P) ban hành Quyết định thu hồi đất đến từng hộ số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010. Trong đó hộ ông Nguyễn Tiến H thu hồi đất và phê duyệt phương án BTHT đối với 06 thửa, diện tích 1.831,0m², tổng số tiền BTHT 311.850.050đ.

Hộ ông Nguyễn Tiến H đã nhận tiền BTHT và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án đối với thửa đất số 135, tờ BĐ 42, diện tích 368,3m² tương ứng với thửa 152 BĐTH, còn lại 05 thửa không nhận tiền BTHT.

Từ các nội dung trên, UBND thành phố P đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu nhà ở TMS Land H hoàn toàn đúng quy trình theo Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

Việc ban hành quyết định thu hồi đất số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thị xã P đã thực hiện đúng quy định theo khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003; việc ban hành Quyết định phê duyệt phương án BTHT GPMB số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/20210 được thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 32 Quyết định 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định thực hiện BTHT, TĐC và đơn giá BTHT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Từ đó có đủ cơ sở xác định việc ông Nguyễn Tiến H đề nghị hủy Quyết định thu hồi đất số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định phê duyệt phương án BTHT số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/20210 của UBND thị xã P (nay là thành phố P) là không có căn cứ.

Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010. Chủ đầu tư dự án đã phối hợp cùng UBND phường H thực hiện chi trả tiền cho các hộ gia đình, cá nhân. Các hộ đã nhận tiền BTHT, bàn giao mặt bằng chỉ còn vướng mắc, tồn đọng 17 hộ chưa nhận tiền BTHT theo quyết định phê duyệt phương án BTHT; khoảng cuối năm 2018, Chủ đầu tư gửi Văn bản số 175/BC-TMS LAND ngày 28/11/2018 tới UBND thành phố đề nghị tiếp tục thực hiện công tác GPMB, đối thoại với 17 hộ chưa nhận tiền BTHT GPMB.

Ngày 15/3/2019 và 08/6/2019, Lãnh đạo UBND thành phố đã tổ chức các cuộc họp đối thoại với các hộ dân chưa nhận tiền GPMB. Tại buổi đối thoại các hộ đề nghị UBND thành phố giải quyết 04 nội dung: Dự án không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; Dự án không công khai quy hoạch; Dự án chưa được Thủ tướng chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất lúa theo Nghị định 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012; phải thỏa thuận về mức bồi thường với người dân có đất thu hồi. Đối với các nội dung đề nghị trên, UBND thành phố đã ban hành Thông báo số 163/TB-UBND ngày 25/6/2019 về kết quả kiểm tra, xem xét giải quyết và trả lời những nội dung đề nghị của các hộ gia đình, cá nhân. (tại 02 buổi đối thoại ông H đều có mặt và ký vào biên bản làm việc).

Trong các ngày 27/6/2019, 09/9/2020, 15/9/2020 và ngày 17/9/2020 tổ công tác của UBND phường H phối hợp với các ban ngành đoàn thể của phường tổ chức làm việc với ông Nguyễn Tiến H để vận động gia đình nhận tiền BTHT GPMB theo phương án đã được phê duyệt và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Tuy nhiên, gia đình ông Nguyễn Tiến H không đồng ý nhận

tiền BTHT, GPMB.

Ngày 12/11/2020, UBND phường H có báo cáo kết quả thực hiện công tác vận động bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Khu nhà ở TMS Land H. Ngày 12/11/2020, Ban Q (Sau đây viết tắt là DA ĐT&XD) thành phố có Văn bản số 247/CV-BQLDA về việc đề nghị thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Khu nhà ở TMS Land H, trong đó có hộ ông Nguyễn Tiến H.

Căn cứ báo cáo của UBND phường H, đề nghị của Ban quản lý DA ĐT&XD và hồ sơ kèm theo Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối để thực hiện dự án Khu nhà ở TMS Land H, trong đó có hộ ông Nguyễn Tiến H. Ngày 19/11/2020, Đại diện UBND phường H đã phối hợp với Tổ dân phố bàn giao Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P cho ông Nguyễn Tiến H.

Vì vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 là hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các thành viên trong gia đình ông Nguyễn Tiến H đã ủy quyền cho ông H và đều có chung quan điểm: Đề nghị hủy Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thành phố P; hủy Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND thành phố P và hủy Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 38; Điều 40; khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 34 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường tái định cư.; khoản 2 Điều 28 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/6/2009 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến H về việc hủy:

1. Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thị xã P

(nay là thành phố P) về việc thu hồi đất của các hộ gia đình có diện tích đất bị thu hồi để xây dựng công trình: khu nhà ở TMS Land H - phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H, thành phố P.

2. Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND thị xã P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của các hộ gia đình có diện tích đất bị thu hồi để xây dựng công trình: khu nhà ở TMS Land H - phường H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H, thành phố P.

3. Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích đất của gia đình ông H tại phường H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tiến H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến H về yêu cầu hủy: Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thị xã P, Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND thị xã P, Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Tiến H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý và giải quyết bằng vụ án hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhận đơn khởi kiện và thụ lý giải quyết yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét về nội dung kháng cáo của người khởi kiện; Hội đồng xét xử thấy như sau:

UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCN, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; các Điều 29, 30 và Điều 31 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất; Điều 31, khoản 2 Điều 32, Điều 33 của bản Quy định về thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh V.

- Xét nội dung của Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thị xã P về thu hồi đất của các hộ dân và Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 của UBND thị xã P về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của các hộ dân có đất bị thu hồi.

Về căn cứ thu hồi đất: Dự án Khu nhà ở TMS L H, phường H với quy mô 18,55ha được UBND tỉnh V phê duyệt tại Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 24/6/2010 về việc chấp thuận chủ đầu tư dự án khu nhà ở TMS Land H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt địa điểm lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở TMS Land H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 15/9/2010 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở TMS Land H, phường H, thị xã P. Dự án nằm

trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố P đã được Hội đồng nhân dân tỉnh V chấp thuận nhà nước thu hồi đất tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2011 của HĐND tỉnh V. Như vậy các căn cứ thu hồi đất thực hiện dự án là phù hợp với quy định của pháp luật. Dự án Khu nhà ở TMS L H, phường H được triển khai từ năm 2010 (trước thời điểm Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ), thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2003, có sử dụng đất nông nghiệp nhưng đã được UBND tỉnh V chấp thuận chủ đầu tư từ ngày 24/6/2010 nên phần diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thị xã P không phải xin chuyển mục đích sử dụng đất lúa, do vậy dự án này không thuộc trường hợp phải có phê chuẩn của Thủ tướng Chính phủ và thẩm định của Bộ T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

- Về giá bồi thường: Dự án khu nhà ở TMS Land H, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc là dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thuộc trường hợp thực hiện đơn giá bồi thường theo quy định của Nhà nước, không thực hiện theo cơ chế nhà đầu tư thỏa thuận với người có đất bị thu hồi. Vì vậy, Ban G đã căn cứ Quyết định số 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc để tính giá bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đất nông nghiệp quỹ 1, quỹ 2 cho gia đình ông Nguyễn Tiến H là có căn cứ.

Căn cứ khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 40 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp GCN, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư; căn cứ vào kết quả kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nguyễn Tiến H. UBND thị xã P đã xác định đúng nguồn gốc đất, loại đất, diện tích đất, chủ sử dụng đất, tài sản trên đất và tính giá bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Do đó việc UBND thị xã P ban hành Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 đối với hộ ông Nguyễn Tiến H là có căn cứ và hợp pháp về nội dung.

3.2. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về cưỡng chế thu hồi đất.

Sau khi ban hành các Quyết định thu hồi đất số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 và Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/2010. Chủ đầu tư dự án đã phối hợp cùng UBND phường H thực hiện chi trả tiền cho các hộ gia đình, cá nhân. Các hộ đã nhận tiền BTHT, bàn giao mặt bằng chỉ còn vướng mắc tồn tại 17 hộ chưa nhận tiền BTHT theo quyết định phê duyệt phương án BTHT. Đến cuối năm 2018, Chủ đầu tư gửi Văn bản số 175/BC-TMS LAND ngày 28/11/2018 tới UBND thành phố đề nghị tiếp tục thực hiện công tác GPMB, đối thoại với 17 hộ chưa nhận tiền BTHT GPMB.

Trong các ngày 15/3/2019 và 08/6/2019, UBND thành phố P đã tổ chức cuộc họp đối thoại với các hộ dân chưa nhận tiền GPMB để lắng nghe và giải đáp mọi ý kiến đề nghị, thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân, vận động các hộ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB và bàn giao đất để thực hiện dự án (tại 02 buổi đối thoại ông Nguyễn Tiến H có mặt và ký vào biên bản làm việc). Liên tiếp trong các ngày 27/6/2019, 15/9/2019, 17/9/2019, UBND phường H phối hợp với MTTQ phường và các ban ngành đoàn thể của phường tổ chức làm việc với ông Nguyễn Tiến H để vận động gia đình nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB theo phương án đã được phê duyệt và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nhưng gia đình ông H không nhận tiền bồi thường và bàn giao đất để thực hiện dự án. Ngày 12/11/2020, Ban Q có văn bản đề nghị thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Khu nhà ở TMS Land H, trong đó có hộ ông Nguyễn Tiến H. Căn cứ báo cáo của UBND phường H, đề nghị của Ban quản lý Dự án đầu tư và xây dựng thành phố và hồ sơ kèm Theo, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án Khu nhà ở TMS Land H, trong đó có hộ ông Nguyễn Tiến H. Ngày 19/11/2020, đại diện UBND phường H đã phối hợp với tổ dân phố bàn giao Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P cho ông Nguyễn Tiến H.

Ngày 18/11/2020, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2722/QĐ-CT về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với 10 hộ dân thuộc dự án Khu nhà ở TMS L H, phường H, thành phố P.

Ngày 04/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2954/QĐ-CT về việc đính chính, bổ sung Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất (nội dung đính chính sai sót ngày ban hành Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh V và bổ sung thêm thông tin người sử dụng đất).

Như vậy UBND phường H đã phối hợp với Chủ đầu tư, UBMTTQ phường và Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định nhưng hộ ông Nguyễn Tiến H không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để giao mặt bằng, do đó căn cứ Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 17/11/2020, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 2720/QĐ-CT về việc cưỡng chế thu hồi đất (trong đó có hộ ông Nguyễn Tiến H) là có căn cứ.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyết định số 3505/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND thành phố P về thu hồi đất thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, Quyết định số 3535/QĐ-UBND ngày 16/11/20210 của UBND thành phố P về phê duyệt phương án BTHT GPMB thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 32 Quyết định 59/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định thực hiện BTHT, TĐC và đơn giá BTHT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 2720/QĐ-CT ngày 17/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất áp dụng đúng theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V, Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận đề nghị của ông Nguyễn Tiến H về việc hủy các quyết định trên là có căn cứ.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tiến H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Tiến H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2023/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng